

THI SĨ
KIÊN GIANG
HÀ HUY HÀ

NGƯỜI LÀM THƠ CHO MẸ
và
TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG



“Với Kiên Giang thơ như một thứ vũ khí của kẻ yếu: Vũ khí cũng rất mộc mạc, thô sơ nhưng thấm đẫm lòng người hơn, gợi nhiều hình ảnh thân yêu hơn, lên tiếng bi phẫn hơn. Kiên Giang làm thơ như vậy, một người mang cả tính chất dân Hậu Giang đầy đủ nhất còn sót lại ngày nay...”

bài của
HUYỀN VÂN THANH
(Văn Nghệ Về Nguồn - Tây Đô)

Hằng năm, cứ vào tháng Bảy âm lịch, theo truyền thống Phật giáo và những ai trong gia đình có bàn thờ cúng ông bà gia tiên, thì đây là mùa báo hiếu, là dịp để cho những người con cháu hiếu hạnh bày tỏ lòng thành kính biết ơn công lao sâu dày của các bậc sinh thành và nuôi dưỡng mình nên vóc nên hình. Biểu hiện hành động này là mỗi người con cháu đến các chùa để tham dự các chương trình cầu nguyện đặc biệt, gởi sớ cầu siêu cho người chết và cầu an cho người còn sống; để cho những người con thảo cháu hiền hồi hướng phước báo cho cứu huyền thất tổ, ông bà cha mẹ kẻ mất được siêu thăng, người sống được khỏe mạnh. Trong dân gian, chúng ta thường nghe nói đến công lao cha mẹ, mà ngay từ thuở mới đặt chân đến trường học vỡ lòng, ai mà không nghe dạy câu:

*Công Cha như núi Thái Sơn
Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ Mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

(Ca dao)

Thờ Cha kính Mẹ không chỉ nói suông bằng lời, mà đòi hỏi mỗi chúng ta còn phải biểu hiện bằng hành động thực tế, bằng tấm lòng sáng trong:

*Đêm đêm con thấp đèn trời
Cầu cho Cha Mẹ sống đời với con.*

Bởi vì:

*Có Cha có Mẹ thì hơn
Không cha không Mẹ như đèn đứt dây.*

(Ca dao)

Đặc biệt, đối với Mẹ, là người mang nặng đẻ đau, chín tháng curu mang, ba năm bồng ẵm con mình, thì tấm lòng của người con dành cho Mẹ càng sâu đậm, càng tuyệt vời hơn mới xứng đáng:

*Mẹ già như chuối ba hương
Như xôi nếp một như đường mía lau.*

(Ca dao)

Và, chính vì tấm lòng của Mẹ ví như biển rộng bao la, nên trong sáng tác thơ ca, có một người làm thơ mà tôi được biết, ngoài những bài thơ tình yêu viết thuở học trò với màu mực tím mòng toi, với hình tượng quê hương đơn sơ mộc mạc, trữ tình, bằng ngôn ngữ thơ ca gắn liền với hơi thở hiền hoà của quê hương đất nước đồng bằng Nam Bộ Việt Nam. Biểu hiện rõ nét qua tập thơ thứ hai của anh là QUÊ HƯƠNG THƠ ẤU (1964) và một số bài trong tập thơ đầu HOA TRẮNG THÔI CÀI TRÊN ÁO TÍM (Phù Sa SG - 1960)... Còn rất nhiều bài thơ viết về Mẹ rất cảm động, mà theo tôi, nếu như tác giả có điều kiện sẽ in trong tập thơ thứ ba mang tên XE TRẦU. Đó là thi sĩ KIÊN GIANG HÀ HUY HÀ.

Đối với người sống ở Miền Nam, có lẽ ai cũng một lần nghe nhắc tới tên thi sĩ KIÊN GIANG – HÀ HUY HÀ, bởi suốt nhiều năm anh làm báo ở Sài Gòn, phụ trách trang THƠ của các báo, chẳng hạn TIA SÁNG, ĐIỆN TÍN, PHỤ NỮ DIỄN ĐÀN v.v... ở mục LÈU THƠ, TIẾNG SÁO DIỀU, và phụ trách chương trình Thi văn MÂY TÀN trên đài phát thanh SÀI GÒN với câu mở đầu chương trình thường xuyên: "*Người ta có thể tách bước rời khỏi quê hương, nhưng không thể tách rời con tim khỏi quê hương được*". Anh tên thật TRƯƠNG KHUÔNG TRINH, sinh ngày 17 tháng 2 năm 1929 tại làng Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Rạch Giá. Xuất thân trong một gia đình trung nông, theo tây học tới năm thứ tư bậc trung học và biết làm thơ cũng ngay từ hồi ở trường lớp ấy. Khi bước vào làng thơ, anh từng đăng thơ trên các báo Đời Mới, Dân Mới, Bông Lúa, Tiếng Chuông, Dân Báo, Lẽ Sống, Thế Giới, Phổ Thông, Dân Ta, Dân Tiên, Kịch Ảnh ... Ngoài bút hiệu Kiên Giang, anh còn ký các bút hiệu khác như Cửu Long Giang, Hà Huy Hà.

Thời còn theo bậc Trung học anh sang Cần Thơ ở trọ và học trường Nam Cường. Chính thời đi học này mới nảy sinh trong tâm hồn anh mối tình hết sức thơ mộng – mối tình mà sau này được anh viết thành bài thơ HOA TRẮNG THÔI CÀI TRÊN ÁO TÍM, được phổ thành nhạc từ mấy mươi năm qua. Người con gái được nói đến trong bài thơ của anh, mà lúc có dịp về qua Cần Thơ khoảng đầu thập niên 70, anh nói với chúng

tôi là "Cô ấy đã có gia đình và vẫn còn sống hạnh phúc với chồng con ở hẻm phía sau nhà thờ chánh toà Phong Dinh". Thời đi học tại Cần Thơ, anh có nhiều bài thơ tình thật đẹp, chẳng hạn mấy câu trong bài Tình Trắng:

*Xóm Chài ửng nét duyên thôn nữ
Gió thổi lồng bay áo tím hồng
Cô lái đò ngang cười chúm chím
Thăm trên "hàn sĩ" lúc sang sông.*

(Kiên Giang)

Và, chúng ta còn biết đến anh qua soạn giả Cải lương với các kịch bản được nhiều người yêu thích như NGƯỜI VỢ KHÔNG BAO GIỜ CUỐI, ÁO CUỐI TRƯỚC CÔNG CHÙA, ĐẸP DUYÊN CHÙA THÁP, NGƯỜI ĐẸP BÁN TỶ, HỘI TRÔNG HỌC ĐƯỜNG, GÁNH CHIẾU TÀ NIÊN, HỘI CHÙA THÁNG GIÊNG v.v... Có lần anh nói với tôi, hai soạn giả Hà Triều và Hoa Phượng so tuổi tác thì chênh lệch chút ít với anh, nhưng soạn tuồng cải lương thì sau anh. Kiên Giang cho biết, khi anh viết tuồng thì hai anh Hà Triều và Hoa Phượng thay nhau chép lại giùm anh thành hai bản khác, bởi vì hai anh ấy rất yêu thích sáng tác cải lương. Và, hai anh đã hợp soạn chung vở cải lương hương sắc Phù tang KHI HOA ANH ĐÀO NỔ mà đoàn ca kịch Thúy Nga trình diễn, Thành Được thủ vai Tô Điền Sơn, đã đưa hai anh vào hàng tên tuổi sau này. Kiên Giang nhận xét, "*Hà Triều có óc sáng tạo và kết cấu cốt chuyện tài ba, còn Hoa Phượng thì văn chương trau chuốt, bay bướm như thơ ca, cả hai hợp tác trong viết tuồng sẽ thành công, khó ai sánh kịp*". Và, đã đúng như vậy, vì như chúng ta nhớ lại ở Miền Nam trước năm 1975, có một lúc hai soạn giả này vì một bất đồng đã tách rời nhau, mỗi người viết tuồng riêng thì... không tìm đâu kịch bản ăn khách như trước nữa! Bởi vậy, nhắc tới Hà Triều là phải có Hoa Phượng và ngược lại. Nhiều vở cải lương của hai soạn giả này nổi tiếng trong nhiều năm ở thập niên 60-70 tại Việt Nam.

Tôi quen thi sĩ Kiên Giang từ năm 1964, khi chúng tôi lập Văn đoàn VỀ NGUỒN tại Cần Thơ, sau đó thực hiện chương trình phát thanh Thi văn VỀ NGUỒN trên đài phát thanh Cần Thơ (từ 1968 –1975), và gởi thơ về chương trình thi văn MÂY TÀN của anh, được diễn ngâm liên tục trên đài phát thanh Sài Gòn. Nhưng chính thức gặp được anh vào giữa năm 1965, lúc đó anh và nhà văn Sơn Nam đang làm việc tại tòa soạn nhật báo TIA SÁNG ở đường Phát Diệm. Hôm đó, tôi và Lê Trúc Khanh có dịp đi Sài Gòn ghé tìm anh. Cả hai biết chúng tôi từ Cần Thơ lên nên đã rời tòa soạn sớm. Anh Kiên Giang đi chiếc xe Lambretta cũ kỹ (thuộc loại cổ, mà lúc đó tôi có ý nghĩ, có lẽ cả miền Nam chỉ còn lại duy nhất một chiếc đó mà thôi!). Đền máy không nổ, anh Sơn Nam đứng phía sau đẩy một đoạn để lấy trớn, nó mới chịu phun khói và máy kêu bành bành. Anh Sơn Nam phóng lên ngồi phía sau, ôm eo ếch Kiên Giang, nhắm hướng Trần Hưng Đạo. Chúng tôi đi xích lô máy theo địa chỉ của anh ghi, về nhà anh ở một căn trong hẻm nhỏ đường Trần Hưng Đạo. Anh đã chờ sẵn tại đầu hẻm. Chúng tôi theo sau anh, đến một căn nhà nhỏ, anh gõ cửa kêu Tài Ba Vá, là đứa con trai nuôi của anh, năm đó nó chỉ trên dưới mười tuổi, đầu hớt để ba vá và mặc bộ bà ba màu nâu già giống chú tiểu trong chùa ra mở cửa. Vào trong, đồ đạc anh để không gì ngăn nắp, báo chí, bản thảo vất lung tung. Anh lục tìm cho chúng tôi mỗi đứa một tập thơ QUÊ HƯƠNG THƠ ẤU. Riêng tập HOA TRẮNG THÔI CÀI TRÊN ÁO TÍM đã hết, anh hẹn có dịp sẽ gởi tặng chúng tôi.

Năm 1966 tại rạp QUỐC THANH, chương trình Đại nhạc hội LÒNG MẸ VIỆT NAM đã diễn ngâm bài thơ dài của anh, mang tên XE TRÂU, được khán giả nhiệt liệt khen ngợi, và muốn có bài thơ đó, theo anh giới thiệu sẽ in trong tập thơ cùng tên sắp xuất bản. Ông Tô Yến Châu đã cho đăng đầy đủ bài thơ này trên nhật báo THỜI SỰ MIỀN NAM để tặng người yêu thơ... thì mãi đến đầu thập niên 70, một tác giả ở Trà Vinh, ký bút hiệu Từ Toàn đã lấy bài thơ này đổi tựa là GIỒNG ĐỜI rồi ký tên mình gửi dự thi trên tuần báo HOA TÌNH THƯỜNG do anh Phương Triều tuyển chọn. Tôi đã lên tiếng việc đạo thơ này, và Toà soạn ngay sau đó đã có lời xin lỗi thi sĩ Kiên Giang cùng bạn đọc (Báo do Bà Tố Oanh làm Chủ nhiệm kiêm chủ bút). Bài thơ XE TRÂU viết về Mẹ rất hay, ngay mấy câu mở đầu đã gọi chúng ta sự xúc cảm:

*Xe trâu cót kết
Cót kết xe trâu
Bánh xe nặng nặng in sâu lổ mòn
Tay cầm vằm nhỏ
Tay nọ ấm con
Nắng vàng Xẻo Đước
Con trâu khát nước
Thở dốc từng cơn
Bánh xe nghiêng nát cót mòn
Nát thân không nát nổi hồn mẹ quê...*

Tôi có dịp hỏi anh KIÊN GIANG, vì sao anh thường viết thơ cho Mẹ mà không thấy ca tụng hình ảnh người cha? Anh nói đại ý, vì hình ảnh của người Mẹ đã in sâu vào tâm tưởng anh từ thuở nhỏ, Mẹ đã cần cù sớm hôm, bán buôn tần tảo để lo cho anh ăn học thành người – bà đã thức khuya dậy sớm đi bán từng cân mắm để mua gạo, dành tiền cho anh mua tập vở, bánh kẹo. Biết anh mồ côi cha từ rất sớm nên tôi không gọi lại hình ảnh người cha khi tiếp chuyện với anh; vả lại, anh còn mẹ già, cho nên anh dành trọn tình cảm mình để nói về Mẹ là điều hợp lẽ phải và đạo lý. Anh từng nói, trái tim người Mẹ đúng là một kỳ quan tuyệt hảo, bao nhiêu lời lẽ ca tụng người Mẹ cũng không bao giờ đủ đầy, cho nên còn sống là anh cứ viết về Mẹ, viết để Mẹ anh và tất cả những bà Mẹ Việt Nam đọc được, hiểu được tấm lòng của những đứa con được sinh ra và lớn lên bằng chính bầu sữa nồng ấm, căng đầy nhựa sống mà Mẹ đã ban phát cho từ khi con mở mắt chào đời. Một trong số những bài thơ mà thi sĩ KIÊN GIANG đã viết về Mẹ, hiện tôi còn giữ, là bài thơ KHÔI TRẮNG, xin ghi lại đây tặng các bạn yêu thích thơ:

KHÔI TRẮNG

* Kính dâng Mẹ của tôi và của bạn
với tất cả niềm thương kính

*Hương cau thơm phức ngôi sao Mẹ
Thơm ngát mái nhà, thơm áo com
Con thở trong mùi thơm bát ngát
Thịt da mái tóc quện mùi thơm.*

Nước mắt chảy xuôi... tình mẫu tử

*Chảy theo nước mắt cuộn mờ hôi
Mẹ đem cái chết làm nên sống
Nước mắt một dòng... vẫn chảy xuôi.*

*Ngày xưa ngày xưa thời trẻ dại
Con đau rên xiết Mẹ rầu lo
Bán đôi bông cưới mua thang thuốc
Mua bánh tai heo, giấy học trò.*

*Đêm nào con khóc đòi ru ngủ
Mẹ thức mỗi mồn: nhịp võng đưa
Thân lạnh nằm khoanh lòng Mẹ ấm
Mẹ ơi! Con lớn giữa niềm ru.*

*Nhớ ngày Mẹ ốm nằm trong xó
Chiều lạnh ủ không ấm vóc gầy
Đau đớn... không hề rên xiết khẽ
Sợ con nghe tiếng mà buồn lây.*

*Nói làm sao hết Mẹ hiền ơi
Công đức, niềm đau lẫn tiếng cười
Mẹ lấy bụi đời làm phấn sáp
Che dù trời nắng, đội trời mưa.*

*Nhớ mùa cau trở trong vườn cũ
Mẹ quét lá vàng ủ lấy phân
Khói trắng lên trời như tóc bạc
Con ngỡ khói tóc quyện Mây Tần.*

*Chiều nay dừng gót trên bờ biển
Nhìn sóng bạc đầu, mây trắng trôi
Con ngỡ khói vườn hay tóc bạc
Bay tìm con lạc bước đường đời.*

*Mai một con về thăm xóm Mẹ
Thăm mùa cau trở, bóng làng xưa
Để rình nghe lại trong hùi quạnh
Tiếng hát ngày xưa, nhịp võng đưa.*

*Con sẽ kính dâng lên gói Mẹ
Gói trà tàu, gói bánh tai heo
Hương cau lại quyện hai màu tóc
Nước mắt đoàn viên ấm xóm nghèo.*

*Nguyện cầu Đức Phật và danh Chúa
Rũ đức từ bi, xuống phước lành*

*"Mẹ sống muôn đời cùng vũ trụ
Ngôi sao MẸ ngự giữa thiên đình".*

Vũng Tàu, một giờ đêm 13-1-1961
KIÊN GIANG

Một bài thơ khác, bài SÀNG GẠO cũng nói đến hình ảnh người Mẹ gắn liền với
nhịp thở cuộc đời mà chính anh đã tiếp nhận hình ảnh hằn sâu đó trong tâm khảm mình :

SÀNG GẠO

*Mẹ rắc hoàng hôn theo hạt tuyết
Cám bay phảng phất quyện hương cau
Nghiêng nghiêng bóng xế sau lưng mẹ
Gạo trắng như màu tóc trắng phau.*

*Thuở bé về quê ăn gạo già
Đắng cay nước mắt trộn mồ hôi
Mùi thơm gốc rạ thơm hương khói
Con lớn dần theo số tuổi đời.*

*Từ khi xa xứ lên đô thị
Tiếng máy rồ vang át tiếng chày
Cổng kín tường cao đà khuất lấp
Bóng người sàng gạo cuối chân mây.*

*Cái gì còn lại tràng sàng gạo
Là hạt kim cương: hạt ngọc trời
Phấn cám bụi đời bay lẫn lộn
Mẹ ơi! Cơm trắng bởi mồ hôi.*

*Suốt đời cực khổ, đời làm dâu
Cay đắng chín muối nổi khổ đau
Lừa lọc ân tình theo hạt thóc
Trái bồ hòn lẫn hạt trên châu.*

*Lâu quá con thèm ăn gạo già
Thèm mùi sữa ngọt sữa con so
Thèm thêm trắng sáng chày khoa cối
Làm rụng Hằng nga xuống tứ thơ.*

*Chiều nào con đứng bên hàng trúc
Thấy tóc mẹ rơi giữa nắng tà
Tóc trắng mầm chôn trong gạo trắng
Mẹ ngôi nhật thóc mới hay già.*

Cái thời thơ dại không còn nữa

Cát bụi mù bay khắp nẻo đời
Gạo chợ đã phai mùi gốc rạ
Men đời đắng lắm mẹ hiền ơi!

Lâu quá: nhốt đời trong ngõ hẻm
Lầu cao che khuất áng mây trôi
Mẹ ơi! đâu hướng về quê mẹ
Nắng giữa hồn con đã tắt rồi.

KIÊN GIANG

Với thi sĩ KIÊN GIANG, tác giả Trần Tuấn Kiệt trong THI CA VIỆT NAM HIỆN ĐẠI (1880 – 1965 – quyển II) đã viết:

"Làm thơ, vốn chịu nhiều thiệt thòi, hiện ông đang gà trống nuôi con, hằng đêm viết kịch trường, làm thơ, viết kịch phẩm nhưng vẫn quanh năm không đủ sống. Tâm hồn ông dường như có chứa đựng nhiều mặc cảm sâu hận, tính thật thà. Có cảm xúc thật nhanh, tâm hồn đó hướng về xã hội nghèo khổ, vọng lên những tiếng chua xót của một con chim mang tên bay khắp trời. Một lần Phạm Công Thiện nói với tôi tại quán trước nhà KIÊN GIANG. "KIÊN GIANG hẳn đúng là thi sĩ, còn bọn mình làm thơ chứ không là thi sĩ được". Cái dáng dấp nhiều suy tưởng về hành động của Phạm Công Thiện, lúc khoái gì thì nói nấy. Lúc hẳn viết: "Hoàng Trúc Ly xứng đáng là bậc thầy của thi nhân ngày nay". Lúc hẳn lại viết về tập NAI của tôi (tức TTK) một câu "Thơ Trần Tuấn Kiệt lớn hơn thơ Tagore" và bảo in ngoài trang nhứt câu nói của hẳn, hẳn sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm. Nhưng tôi biết khá về tính bốc đồng đó lắm. Lúc nào hẳn tỏ vẻ là nhà tư tưởng (hẳn sống thật với tư tưởng chứ không vẽ vờ gì đâu) với tôi, tức thời tôi tỏ tính bạt mạng ngang tàng ra ngay. Hẳn cãi và rút lại xin huê. Chúng tôi như vậy, KIÊN GIANG thì làm lì, lờ đờ, như rấn hổ... lâu lâu mổ một cái, khó chịu lắm. Nhưng mổ bọn người vong bản bán nước kia!... Có lúc tôi khoái thơ KIÊN GIANG và chép thơ ông, đã nhiều lần Tam Ích (thầy tôi hồi xưa) bàn tới thơ ông, khen ngợi cho là có dân tộc tính. Mà thật, bản sắc quê nhà, nhất là tính tình chất phác, hay giận lẫy, hay lờ thôi, lại hay mơ mộng, bèn bị chịu đựng, hơi ruộng rẫy, hơi đất phù sa đều có trong bản chất thơ ông cả. Với KIÊN GIANG thơ như một thứ vũ khí của kẻ yếu: Vũ khí cũng rất mộc mạc, thô sơ, nhưng thấm đậm lòng người hơn, gợi nhiều hình ảnh thân yêu hơn, lên tiếng bi phẫn hơn. KIÊN GIANG làm thơ như vậy, một người mang cả tính chất dân Hậu Giang đầy đủ nhất còn sót lại ngày nay. Vì vậy tính KIÊN GIANG hiền nhưng trung chánh, ai chê khen điều gì anh chỉ nói lai rai rồi bỏ qua, giữ bình tĩnh, bèn chặt với lòng tin tưởng ở tiếng thơ chan chứa tình yêu thương về dân tộc, gia đình của anh hơn hết". (SDD tr. 775-776)

Nói về KIÊN GIANG trong thời gian kháng chiến chống Pháp mà lúc đó còn trai trẻ anh có tham gia, nhà văn Xuân Vũ trong bài "Sơn Nam, Huy Hà: Cây Đàn Miền Bắc và Đẹp Hậu Giang" có đoạn:

"Riêng Huy Hà thì có vẻ gọn gàng hơn. Y phục thay đổi luôn. Khi sơ mi túi có nắp và cầu vai, khi quần Tây cụt, khi quần Tây dài. Đặc biệt anh mang một chiếc sắc cốt vải viền da không biết lượm ở đâu hay lính nào cho. Trong sắc bao giờ anh cũng có những bài thơ làm nửa chừng. Anh thích để dưới bài thơ những câu giang hồ lãng mạn như "một chiều bên bờ lau tất nắng. Một sáng mùa thu đầy sương"...v.v... Anh có 2 câu thơ cực hay, không hiểu sao tôi mê dữ vậy:

"Soi đèn ta thấy trong dòng nước
Có máu miền Tây máu Hậu Giang..."
(Đẹp Hậu Giang - 1949)

Anh có vợ có con ở thành. Có cô vợ tên là cô Lành. Một hôm anh gọi tôi ra chỗ vắng rồi bảo:

- Mà mày có muốn vợ không, tao gả em vợ cho!

Rồi anh lấy ảnh trong sắc ra đưa cho tôi coi. Anh Tày cũng bảo tôi:

- Ê, Xuân Vũ, mày nên lấy vợ đi. Kháng chiến còn lâu dài. Nhà mày xa. Rủi bệnh hoạn ai nuôi. Mày về nhà vợ mày nó cho mày cái trứng gà, trứng vịt...

Câu khuyên của anh Tày vô cùng thực tế. Tình cảm của anh Huy Hà thật chân thành(...). Anh Tày là người rất tự do sáng tác. Ngoài những bài viết cho báo, anh và Huy Hà làm thơ vẫn riêng không theo đơn đặt hàng. Ông chủ bút Rum Báo Việt thì thông cảm sự sáng tác, nhưng có vài ba ông kẹt trong Phòng Chính Trị lại bắt bẻ các anh là "sáng tác cá nhân". Anh Tày và Huy Hà phản ứng kịch liệt. Tuy không đối đáp chảnh thức nhưng lời nói của các anh cũng đến tai họ:

- ĐM chúng nó chớ sáng tác cá nhân! Sáng tác cá nhân là nghĩa gì? Người làm thơ viết văn là phải có thơ có văn cho dân cho lính đọc chớ! Không có thơ văn, báo lấy gì in, lính và dân lấy gì đọc. Sao họ không sáng tác luôn đi để bắt tội này làm? Về quân sự thì ông Giáp rành hơn tội này, nhưng văn chương thì phải để tội này làm chớ!

Sự phản ứng cao nhất của hai anh là cáo bệnh và xin phép về nhà dưỡng bệnh. (...).

Năm 1952, tình hình kháng chiến bết bát lắm. Cán bộ trẻ về nhà gần hết. Tòa soạn báo (đổi tên là Kháng Dịch, bỏ tiếng súng) không còn mấy người. Tôi được về tỉnh đội Cần Thơ cùng với thi sĩ Huy Hà. Anh không vui, cho là ở trên không cần mình nữa, nên một bữa nọ, ngủ thức dậy, theo thói quen của cơ quan là tập thể dục rồi đi hái rau bắt cá kiếm ăn, anh nói với tôi :

- Thôi mày ở lại nhé. Tao đi.

- Đi đâu?

- Rồi mày sẽ biết tao đi đâu.

Thế là tôi vắng Anh Tày, mất cả anh. Cả tuần lễ sau ở trên cho biết anh đã ra Rạch Giá theo đường Xẻo Rô. (...).

Và, cuối bài, nhà văn Xuân Vũ đã viết:

Lại có người mới về Sài Gòn gặp anh Huy Hà, khoe có gặp tôi. Huy Hà bảo thằng Xuân Vũ là lính của tao. Nói tao gọi lời thăm nó! Hai anh đã trên 70 cả. Mong gặp lại, biết có gặp được không ?

(Xuân Vũ - tháng 8/95)

Sau khi nhà xuất bản Phù Sa in tập thơ HOA TRẮNG THÔI CÀI TRÊN ÁO TÍM năm 1960 tại Sài Gòn, có những nhận xét như sau:

“Thi phẩm này của Kiên Giang, một thi sĩ miền Nam có nhiều triển vọng, gần hai chục bài thơ trường thiên, giọng thơ nhẹ nhàng, êm đẹp và gợi cảm, diễn tả hương vị miền nam nước Việt, nhất là những bài: Dưới bóng dừa, Bến Tre, Đẹp Hậu Giang, Hương nước mưa, Hoa trắng thôi cài trên áo tím, Nhạc xe bò, Tình quê tình nước, Gởi nàng xuân nữ...”

(Văn Hoá Nguyệt San số XI – 07-08-1962)

“Người ta thường nói trong trái tim của mỗi người đều có riêng một góc nhỏ bé để chứa đựng những kỷ niệm riêng tây. Kiên Giang đã để tiếng nói chân thật của thi ca đem ánh sáng lùa vào cái góc nhỏ bé đó. Nhiều người đọc và gặp trong thơ Kiên Giang những điều mà trước đây họ đã tưởng là nổi bí ẩn của riêng mình.

“Trong các lớp thi sĩ trước, chúng ta đã có hẳn một số thi phẩm tạm gọi là thi ca điền viên. Nhiều tác giả như Đoàn Văn Cừ, Anh Thơ, Bằng Bá Lân... đã viết rất nhiều về cảnh quê và thôn quê đất Bắc. Trong thơ cũng như trong văn xuôi sáng tác tại miền Nam, chúng ta thấy rất hiếm loại thơ điền viên này.

“Ngay những tác giả nổi tiếng từ thời tiền chiến, cũng đợi mãi tới về sau, nghĩa là sau khi đất nước trải qua nhiều cơn dao động trọng đại, mới để tâm diễn tả cái sắc thái đặc biệt của quê hương. Trong số người hiếm hoi, chúng ta thấy có một tác giả mới nổi: Kiên Giang”.

(PHONG NHÃ, nhật báo Tự Do
số 1.585 ra ngày 01-07-1962)

“Nhiều kỷ niệm của tuổi hoa niên, nhiều cảnh sống đau thương trong xã hội được phác lại và diễn tả trong “HOA TRẮNG THÔI CÀI TRÊN ÁO TÍM” bằng lời thơ nhẹ nhàng. Bình dị, làm rung động người đọc như một bản nhạc tâm tình... Thơ Kiên Giang mang những hình ảnh của quê hương, mang những màu sắc của dân tộc nên dễ cảm thông với chúng ta. Tôi nghĩ rằng ông đã chọn được con đường đi riêng cho ông trong việc sáng tác, và trên con đường đi đó, tôi tin ông còn sẽ đem lại cho người yêu thơ sau đây nhiều hương vị mới lạ...”

(Thượng Sĩ, trang phê bình Văn Nghệ)

Thi sĩ KIÊN GIANG làm thơ rất dễ dàng, những câu thơ rời của anh phổ biến truyền miệng đã trở thành ca dao từ lúc nào, chẳng hạn hai câu:

*"Ong bầu đậu đọt mù u
Có chồng càng sớm tiếng ru càng buồn"*

được người đời lưu truyền rồi cải biên cho đến đây giờ đã trở thành ca dao mà khi nghe qua, anh cảm thấy tiếc, là vì sự sửa đổi đó khi nghe qua thì mượt mà và đẹp, nhưng nội dung và ý nghĩa thì chẳng ra sao cả:

*"Bướm vàng đậu nhánh mù u
Có chồng càng sớm tiếng ru càng buồn".*

Có lần tôi ngồi uống bia nói chuyện với thi sĩ KIÊN GIANG trước trụ sở Hội Sân Khấu SG (chiều ngày 6 tháng 7 năm 1989), anh đã kể chuyện này. Đại ý, anh nói rằng con ong bầu mới có khả năng bay cao và đậu đọt mù u để hút mật chớ con bướm vàng chỉ bay là sà dưới thấp, làm sao bay cao để đậu nhánh mù u và đậu để làm gì? Câu lục mà lại hình tượng con bướm thì có ăn nhằm gì đến câu bát? Trong khi con ong bầu tiếng kêu của nó khi bay phát ra âm thanh gọi cho ta cảm giác như tiếng ru buồn mới gắn liền với ý của câu bát! Và dịp này, anh cũng kể tôi nghe một giai thoại giữa anh với nhà thơ Nguyễn Bính khi từ Bắc vào Nam lưu lạc đến đất Kiên Giang:

"Lúc còn lưu lạc ở Rạch Giá, Nguyễn Bính trọ nhà một người, cô vợ anh ta yêu thơ quá, tối ngày cứ ngâm nga thơ Nguyễn Bính... đến nỗi anh chồng "ghen", Nguyễn Bính phải đi tìm nơi khác ở. Lúc đó Kiên Giang còn đi học, rất yêu thơ và tập làm thơ, đã "lén lấy gạo, mắm và tiền bán mắm của má để mướn nhà nuôi Nguyễn Bính" (lời KG), đã tìm mướn được căn nhà bỏ hoang, rêu phong bám đầy bởi không ai lui tới, cùng đưa Nguyễn Bính về ở. Hàng ngày anh đến hủ hỉ với nhà thơ. Hôm mới dọn về, nhà thơ Nguyễn Bính thấy cảnh rêu phong ở trước cửa nên bàn với Kiên Giang để nguyên như vậy, vào bằng cửa hông.

Nguyễn Bính xấu trai, lưng tôm, nhưng tính tình rất dễ mến. Nguyễn Bính cùng Kiên Giang xuống mé sông ngồi nhìn dòng nước mặn trong xanh từ biển đưa vào và xuất khẩu thành thơ, đọc tặng Kiên Giang bài thơ đầu tiên 4 câu:

*Có những dòng sông chảy rất mau
Nhớ chi nghĩa bến với duyên cầu
Lá vàng hoa đỏ trôi không kịp
Lưu lạc ai ngờ lại gặp nhau.*

Đây là bài thơ in vào tâm khảm Kiên Giang. Nhưng trong đời có lẽ bài thơ TỪ ĐỘ VỀ ĐÂY của nhà thơ Nguyễn Bính có kỷ niệm sâu sắc hơn đối với anh. Bởi chán cảnh đời phiêu bạt đói nghèo, người đời hiểu lầm đổ ky, Nguyễn Bính đã viết 4 câu thơ đưa Kiên Giang ra dán trước cửa nhà rêu phong như sau:

*Từ độ về đây sống rất nghèo
Bạn bè chỉ có gió trăng theo
Những phường phú quý xin đừng đến
Hãy để thêm ta xanh sắc rêu.*

Đầu năm 1947, Nguyễn Bính tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp, phụ trách đoàn Văn hoá cứu quốc tỉnh Rạch Giá, có thời gian làm Phó Chủ nhiệm tỉnh bộ Việt Minh tỉnh Rạch Giá rồi chuyển sang công tác ở ban Văn nghệ khu 8 ở Đồng Tháp Mười, sáng tác thơ, viết tùy bút, truyện ký. Năm 1954 đi tập kết ra Bắc, tiếp tục sáng tác. Năm 1956 chủ trương báo TRĂM HOA và có liên quan đến Nhân Văn và Giai Phẩm nên cuộc đời nhà thơ sóng lặn đạn cho đến ngày nhắm mắt xuôi tay tại Nam Định (ngày 20-01-1966).

KIÊN GIANG cũng có tham gia kháng chiến và cùng với nhà văn Sơn Nam (ở Viện Văn hoá Nam bộ) viết cho tờ Tiếng Súng Kháng Địch mà ông Quang Phong (bút hiệu Vô Ngã, tức Nguyễn Tử Quang sau này) đang ở trong nhóm phụ trách báo đó. KIÊN GIANG ở lại miền Nam, lên Sài Gòn mượn nhà ở khu xóm lao động. Nhà anh ọp ẹp rêu phong, đối diện với nhà một anh cảnh sát từng làm việc cho Pháp trước kia. Anh KIÊN GIANG đã mở cửa hông và hàng ngày sử dụng xe mô-by-lét đen để di chuyển tới lui. Một hôm, do xe quá cũ kỹ, khi đạp máy nổ inh ỏi, bị anh cảnh sát ra la lối, "*cắm từ nay mày muốn đạp máy xe hãy dẫn ra ngoài đường !*". Anh nhịn nhục xin lỗi vì sợ mịch lòng sinh ra làm khó dễ, lỡ bị truy ra tung tích có tham gia phong trào Việt Minh chống Pháp của mình. KIÊN GIANG nhẫn nhục chịu đựng bao điều phiền toái xung quanh, nhưng tâm hồn thơ thì anh khó mà dứt bỏ đi. Anh chợt nhớ bài thơ của Nguyễn Bính viết và dán trước cửa nhà trọ ở Rạch Giá năm nào, khung cảnh cũng giống như nhà trọ của anh bây giờ, nên Tết năm 1956, anh đã chép lại bài thơ đó, có sửa mấy chữ ở câu 3. Ban đầu mấy chữ PHƯỜNG PHÚ QUÝ anh đổi thành THẮNG THEO PHÁP, nhưng viết vậy quá lộ liễu, nguy hiểm, nên anh đã chọn ba chữ khác là THẮNG BÁT NGHĨA. Bài thơ gốc TỪ ĐỘ VỀ ĐÂY của Nguyễn Bính được KIÊN GIANG sửa lại và treo trước cửa:

*Từ độ về đây sống rất nghèo
Bạn bè chỉ có gió trăng theo
Những thằng bắt nghia xin đừng đến
Hãy để thêm ta xanh sắc rêu...*

Bài thơ TỪ ĐỘ VỀ ĐÂY được phổ biến rộng rãi ở các tỉnh phía Nam, và mãi đến sau này, ngay cả trong Tuyển tập NGUYỄN BÌNH (NXB Văn Học + NXB Long An – 1986) cũng có in ở phần bổ sung nội dung như bài có sửa 3 chữ của anh KIÊN GIANG.

Nghe thi sĩ KIÊN GIANG kể, tôi chợt hỏi anh: "*Anh là người trong cuộc có đính đáp tới bản gốc của bài thơ 4 câu trên, sao anh không viết thư cho con gái của nhà thơ với người vợ miền Nam là cô Nguyễn Bình Hồng Cầu, nghe nói đang làm việc tại NXB Cửu Long nói rõ việc này, để lần tái bản sau điều chỉnh lại cho đúng, hoặc ghi thêm chi tiết này? Dù sao đây cũng là một giai thoại lý thú mà người yêu thích văn học cần được biết. Bởi vì sự kiên liên quan được chính người trong cuộc kể lại?*". Anh KIÊN GIANG mỉm cười, đưa ly bia Sài Gòn lên hớp một ngụm, gật gù bảo sẽ viết thư cho cô Hồng Cầu! Dù biết anh hứa như thế, nhưng tôi vẫn nghĩ rằng, trong cuộc sống này, đâu phải chỉ xảy ra duy nhất có một câu chuyện như vậy, nên chưa chắc gì anh KIÊN GIANG đã có thời gian viết thư cho Nguyễn Bình Hồng Cầu? Và liệu khi có sự lên tiếng này, những người chủ trương biên tập và in ấn Tuyển tập NGUYỄN BÌNH lại dễ dàng chấp nhận đưa vào phần bổ sung cho tác phẩm thêm hoàn chỉnh? Sở dĩ tôi đặt nghi vấn, là vì tôi có dịp chứng kiến hai sự việc liên quan đến văn học mà nhân bài viết này xin được nêu lên một cách vắn tắt, để bạn đọc có thể hình dung được. Đó là trường hợp bài thơ TIỀN VÀ LÁ của KIÊN GIANG và bài thơ THƠ NGÀY MƯA của Hoàng Lộc.

Trước hết, xin nói về bài thơ THƠ NGÀY MƯA của thi sĩ Hoàng Lộc. Thi sĩ Hoàng Lộc sống ở Việt Nam Cộng Hoà và làm thơ có tiếng tăm, đăng trên các tạp chí uy tín ở Sài Gòn. Bài thơ THƠ NGÀY MƯA của anh đăng trên tạp chí BÁCH KHOA số 360 xuất bản tháng giêng 1970 tại Sài Gòn, vậy mà năm 1990 (?) trên tuần báo VĂN

NGHỆ của Hội Nhà Văn Việt Nam (Hà Nội), sau đó có một vài báo khác đăng lại, tiết lộ đó là bài thơ hay của Định Nguyễn, một nhà thơ làm biên tập cho nhà xuất bản Văn Học Hà Nội – bạn bè ông Định Nguyễn đã chính thức công bố bài thơ trên khi ông vừa mới đột ngột qua đời. Bài thơ đã trích từ trong sổ tay của người bạn được chép tặng với bút tích và chữ ký của Định Nguyễn hẳn hoi. Để trang trọng giới thiệu xuất xứ bài thơ, tác giả chịu khó chụp hình bút tích của Định Nguyễn với lời giải thích tại sao ông ta sáng tác bài thơ THƠ MÙA MƯA (thay vì THƠ NGÀY MƯA). Định Nguyễn cho rằng, sau việc ly tan của vợ chồng ông khoảng cuối năm 1979 đầu năm 1980 và khoảng hai năm sau ông viết bài thơ này (?). Bài thơ của Hoàng Lộc nói về hình ảnh MẸ thì Định Nguyễn đã đổi lại là CHA, tức là có sự sửa đổi đôi chút chớ không giữ nguyên tác. Anh em văn nghệ Sài Gòn ngày xưa còn sống ở quê nhà, đã phát hiện trường hợp ăn cắp thơ khá kỳ khôi này, chịu khó lên thư viện Sài Gòn truy lục, mới tìm được tạp chí BÁCH KHOA số 360 nói trên, ngay phần mục lục vẫn tắt ở trang bìa cũng đã có in tựa bài thơ với tên Hoàng Lộc là tác giả. Anh Đynh Trầm Ca đã photocopy nhiều bản để gửi kèm theo bài phản đối đến các nơi, nhất là tuần báo VĂN NGHỆ Hà Nội để yêu cầu lên tiếng đính chính, nhưng tất cả đều im lặng. Tuần báo tỉnh An Giang đã cùng lúc in hai bản song song, một bản đúng với trang báo BÁCH KHOA và một bản đúng với trang báo VĂN NGHỆ để bạn đọc dễ thấy so sánh và phát hiện việc làm không chân chính của Định Nguyễn (dù ông ta đã chết, nhưng những người cố tình bênh vực, bao che việc này còn đang có chức có quyền trong hội Nhà Văn Việt Nam – Hà Nội). Sau đó tôi có dịp tranh cãi với một người viết báo ngoài Hà Nội vào Cần Thơ về trường hợp này. Anh ta lúc nào cũng khen Định Nguyễn, và cho rằng: *"Tại sao các anh không đặt vấn đề Hoàng Lộc đạo thơ Định Nguyễn?"*. Tôi nói thẳng anh ta: *"Câu này đúng lý anh phải để tôi hỏi. Bởi vì nhà thơ Hoàng Lộc ở miền Nam đã in bài thơ này từ đầu năm 1970, có nghĩa được sáng tác trước năm 70. Báo ở miền Nam bán rộng rãi, có thể những người làm công tác văn hoá văn nghệ các anh mua được và chuyển ra Bắc, Định Nguyễn làm công tác biên tập có dịp đọc và nghiên cứu; hoặc biết đâu trong đoàn quân vượt Trường Sơn vào Nam có mặt Định Nguyễn và ông ta có dịp đọc được bài thơ này rồi thấy thích chép vào sổ tay, để sau đó, chuyện xảy ra lâu rồi tưởng không ai nhớ, bèn mượn đỡ để tự nhận của mình, vì bài thơ đúng với tâm trạng của ông ta? Còn nói Hoàng Lộc ăn cắp thơ Định Nguyễn thì không thể có, vì bài thơ của Định Nguyễn ở miền Bắc còn trong dạng bản thảo viết tay (lại chép tặng một người bạn), chưa hề được đăng báo, mà lại cho biết đã sáng tác khoảng năm 1982 (?), sau khi bài thơ của Hoàng Lộc xuất hiện trên BÁCH KHOA tới một con giáp 12 năm. Làm sao có chuyện ngược đời như vậy?"*

Tôi nói với giọng gay gắt, anh bạn thơ Huỳnh Kim sợ chúng tôi có những thái độ đối kháng quyết liệt không hay, nên đề nghị bỏ qua chuyện thơ văn khá điên đầu này đi. Anh bạn làm báo Hà Nội trước sau vẫn công nhận tài năng của Định Nguyễn. Tôi thì ra mặt không bao giờ phục một con người làm văn nghệ không chân chính như thế... Và, mãi đến khi tôi rời nước Việt Nam thì vụ đạo thơ của Định Nguyễn vẫn còn trong vòng im lặng đáng trách. Tôi được biết, hình như nhà thơ Hoàng Lộc ngày xưa đang ở Hoa Kỳ thì phải (?), và người giúp anh Đynh Trầm Ca (nhà thơ, nhạc sĩ tác giả bản nhạc khá nổi tiếng trước đây là RU CON TÌNH CŨ, mới sau này có bản SÔNG QUÊ cũng nổi tiếng) công bố nội dung việc đạo thơ trên là người tên Dũng, tự nhận là học trò của nhà thơ Hoàng Lộc! Vì uy tín của Thầy mình nên chịu khó giúp anh Đynh Trầm Ca phanh phui nội vụ cho ra lẽ vậy thôi!

Trường hợp thứ hai cũng khá gây cấn. Đó là bài thơ TIỀN VÀ LÁ của thi sĩ KIÊN GIANG. Thật tình, trong buổi nói chuyện với anh KIÊN GIANG vào chiều ngày 6 tháng 7 năm 1989 tại quán cóc trước Hội Sân Khấu Sài Gòn (số 5B Võ Văn Tần), kể về Nguyễn Bính, KIÊN GIANG có đề cập tới bài thơ TIỀN VÀ LÁ của anh được in trong tập HOA TRẮNG THÔI CÀI TRÊN ÁO TÍM (Phù Sa SG - 1960) và anh đã khen Nguyễn Bính có sửa mấy chữ thơ mà anh cho là rất đắt. Đó là:

*(...) Tiền không là lá em ơi
Tiền là giấy bạc của đời phồn hoa
Người ta giấy bạc đầy nhà
Cho nên mới được gọi là chồng em...*
(của KIÊN GIANG)

*(...) Tiền không là lá em ơi
Tiền là giấy bạc của NGƯỜI in ra...*
(của Nguyễn Bính sửa)

Và, anh KIÊN GIANG rất phục cách dùng từ ám chỉ nhiều nghĩa của Nguyễn Bính mà thực tình lúc đó anh chưa hề nghĩ tới. Bài thơ phổ biến rộng rãi ở miền Nam trong nhiều năm kể từ tập thơ HOA TRẮNG THÔI CÀI TRÊN ÁO TÍM ra đời, vậy mà một tác giả ở Hà Nội đã viết trên báo NHÂN DÂN CHỦ NHẬT số 2, tiết lộ một cách vui mừng là: "*Mới phát hiện bài thơ hay nhất của Nguyễn Bính chưa bao giờ phổ biến: TIỀN VÀ LÁ (!)*", và bài viết đã in lại nguyên văn bài thơ mà tác giả cho là của Nguyễn Bính. Nhà thơ Trần Ngọc Hương (dạy học tại Long An), vốn có duyên văn thơ với anh KIÊN GIANG, đã viết một bài khá gay gắt và đăng báo Long An, sau đó gởi phản đối trên báo NHÂN DÂN nhưng vẫn không thấy họ lên tiếng trả lời. Mặc nhiên điều gì những người làm công tác văn nghệ văn hoá xuất thân từ Hà Nội gây ra đều cho là đúng, đều được bảo vệ? Như trường hợp nhà thơ Định Nguyễn kể trên? Hay như bài báo tiết lộ bài thơ hay chưa bao giờ phổ biến của Nguyễn Bính (mà thực tế đã được phổ biến ở miền Nam trên 30 năm rồi!).

Qua vài chi tiết kể trên và sau cuộc trao đổi với thi sĩ KIÊN GIANG Hà Huy Hà, tôi chợt nghĩ: "*Chỉ có người làm thơ và yêu thơ chân chính mới dễ cảm thông và quý trọng công trình sáng tạo tim óc của người khác. Dĩ nhiên rất ghét sự đạo tặc tác phẩm người khác... để lừa dối cả chính bản thân mình! Làm văn nghệ như thế, tốt hơn hết đừng làm. Bởi vì trong cuộc sống này, lời nói có thể thoảng bay đi, nhưng đã in trên giấy trắng mực đen thì khó mà xoá mờ dấu vết. Sự chân chính là bản sinh lương thiện của mỗi con người. Tôi thường nghĩ như vậy*".

Đối với thi sĩ KIÊN GIANG (HÀ HUY HÀ cũng là một bút hiệu của anh), suốt thời gian được quen biết anh, tôi có rất nhiều kỷ niệm mà trong một bài viết ngắn thế này không thể nào kể hết. Có điều, duyên văn nghệ của anh dành cho tôi rất đậm đà, và tình cảm đối xử ngoài đời cũng vô cùng đẹp đẽ. Nhớ năm 1990 (?), khi anh đi Bạc Liêu tham dự hội thảo và kỷ niệm lớn về cố nhạc sĩ Sáu Lầu (người khai sinh cho bản Vọng Cổ

miền Nam), về ngang Cần Thơ đã đi bộ từ bến xe xuống tới đường Ngô Quyền, ghé ngay nhà của chị vợ tôi, hỏi thăm tôi có còn ở đó không kể từ sau năm 1975? Gặp vợ tôi ngồi bán báo là anh nhớ ngay, gọi đúng tên và tự giới thiệu anh chính là KIÊN GIANG... Rồi anh đã hỏi thăm tôi đủ điều, xé tờ giấy ghi cho tôi mấy câu, dặn có dịp đi Sài Gòn nhớ ghé anh tại Hội Sân Khấu, số 5B Võ Văn Tần. Nhà anh ở bên Khánh Hội, nhưng anh ít về đó lắm... Các bạn tôi ở Sài Gòn nói là anh bị lặn đạn về nhà cửa. Nghe nói vợ thứ của anh mở tiệm bán vàng, vay tiền ngân hàng và thế chấp tài sản, thua lỗ phải bị tịch thu nhà (!) Anh phải đi ở đậu lang thang bên đường Hưng Phú chỗ Nhà văn hóa quận 8. Biết tôi sắp xuất cảnh, anh viết cho tôi một thư tay, dặn tôi chép gởi cho anh một số bài thơ mà MÂY TẦN đã từng diễn ngâm thời trước để anh có việc cần dùng. Thế nhưng, tôi có lỗi với anh là... khi rời Việt Nam, tôi không thực hiện được lời nhắn của anh, kể cả việc tìm thăm và chia biệt với anh, có lẽ anh trách tôi nhiều lắm. Bây giờ sang tới Hoa Kỳ, tôi cứ bị ray rứt về tình nghĩa văn chương đối với thi sĩ KIÊN GIANG – mà tôi xem như người anh đáng kính, đã cho tôi ý niệm được tâm tư, tình cảm đối với quê hương, đất nước qua thơ ca, ở đó vượt lên tất cả tầm nhìn của mỗi con người, là tình MẸ thiêng liêng. Bởi vì, một nhà văn đã nói, "*trong tất cả kỳ quan, chỉ có trái tim người MẸ là kỳ quan tuyệt hảo nhất*".

Mùa Vu Lan Báo Hiếu năm nay, tôi xin ghi mấy dòng này, nhắc nhớ đôi nét về thi sĩ KIÊN GIANG còn sống ở quê nhà, kính dâng MẸ tôi và tặng những ai diễm phúc còn MẸ trên cõi đời, bởi ở trên tôi có trích dẫn câu ca dao :

*Mẹ già như chuối ba hương
Như xôi nếp một như đường mía lau...*

HOUSTON, mùa

Vu Lan
viết ngày 29-7-1995

Trích thơ KIÊN GIANG

THẢ DIỀU

*Tháng giêng ngắm trẻ thả diều
Lòng nghe sống lại ít nhiều tuổi thơ
Dây diều là một cung tơ
Cánh diều là một bài thơ nô đùa.*

Diều ơi diều hãy lên cao nữa

*Vượt nóc nhà lầu, chắp cánh bay
Tung phướn đuôi dài vờn sóng phượng
Điều lên nguyệt điện ngự cung mây.*

*Xé bìa tập cũ làm thơ giả
Nhờ gió đưa tin tới trạm điều
Gió gáy từng tưng "thôn-dã-khúc"
Nhìn lên, mắt động bóng mây chiều.*

*Trút ống lấy tiền mua chỉ trắng
Nói dây điều, mở rộng đường bay
Ngày mai, một cõi ta vùng vẫy
Như cánh chim bằng vượt gió mây.*

*Điều bay cõi gió, bình yên nhé
Đừng vương giấy đèn, vương kềm gai
Ta thả hồn thơ tìm cõi mộng
Ở đây khói bụi, hẹp chân trời.*

*Cái thú thả điều trên bãi cỏ
Nay là kỷ niệm của ngày xưa
Đời ta như cánh điều toi tả
Đứt nát tơ lòng giữa gió mưa.*

*Có lần ta thấy thằng em nhỏ
Ôm giữ cánh điều đợi gió lê
Gió chẳng chịu về trong gió bụi
– Con buồn ngồi tựa trụ đèn đêm.*

*Áp cánh điều lên bờ ngực nhỏ
Nửa đêm đang ngủ bỗng reo hò
– Ba ơi con đã về quê cũ
– Nó chỉ thả điều trong giấc mơ.*

ĐAU TRONG LÒNG

* Riêng tặng các bạn
đã thua thiệt trong tình trường.

*Vắng em sa mạc vào hồn
Lạc đà thay bước nổi buồn ngao du
Vắng em trưa có sương mù
Thư trang lạnh ngắt lời thư nhạt tình
Hỡi người vào buổi trăng trinh
Trái tim có mấy bóng hình trong mơ.*

Dại khờ là kẻ làm thơ
Từ lâu nuôi mộng, bây giờ nghẹn đau
Đã yêu trao trọn cho nhau
Mà người lừa đảo nói câu đưa đò.

Đường tình cát bụi mịt mờ
Trong lầu mộng ngọc có mồ thanh lâu
Trần ai hề bã công hầu
Mơ khanh tướng, bước qua cầu phù hoa.

Nàng đi vay mượn hồn ta
Điểm trang hư vọng bước qua xác gầy
Làn môi đôi mắt gót giày (*)
Moi tim, nạo tủy xác này héo khô. (*)

Nàng chê thi sĩ dại khờ
Làm thơ đổi gạo bao giờ giàu sang
Những thằng thi sĩ lang thang
Trợn đời vào mộng tiêu hoang kiếp đời.

Còn gì xét lại người ơi
Trái tim rách nát ngàn bài thơ đau
Từ ngàn xưa đến ngàn sau
Bao giờ thi sĩ hết đau trong lòng.

(*) có bản viết:
"Móng tay nhọn với gót giày
Moi tim nạo óc xác này héo khô".

TIỀN VÀ LÁ

* Tặng thi sĩ Nguyễn Bính
để nhớ ngày tá túc ở xóm biển Kiên Giang

Ngày thơ hót tóc "miếng rùa"
Ngày thơ mẹ bắt đeo bùa "câu ông"
Đôi ta cùng học vỡ lòng
Đặt tay qua những cánh đồng lúa xanh.
Đôi nhà cùng một sắc tranh
Chia nhau từ một trái chanh, trái đào
Đêm vàng soi bóng trăng cao
Ngồi bên bờ giếng đếm sao trên trời.
Anh moi đất nắn "tượng người"
Em thơ thần nhật lá rơi... làm tiền
Mỗi ngày chợ họp mùi phiên

Anh đem "người đất" đổi "tiền lá rơi".

*Nào ngờ mai mùa cho tôi
Lớn lên em đã bị người ta mua
Kiếp tôi là kiếp làm thơ
Vốn riêng chỉ có muôn mùa lá rơi.
Tiền không là lá em ơi !
Tiền là giấy bạc của đời in ra (1)
Người ta giấy bạc đầy nhà
Cho nên mới được gọi là chồng em.
Bây giờ những buổi chiều êm
Anh gom lá đốt, khói lên tận trời.*

*Người mua đã bị mua rồi
Chợ đời họp một mình tôi... vui gì.*

Bên Kiên Giang 56

(1): Theo lời kể của thi sĩ Kiên Giang với người viết, thi sĩ Nguyễn Bính có sửa 3 chữ (in xiên) trong câu này:
“Tiền là giấy bạc của *NGƯỜI* in ra”

BÁNH ÓNG TRÀ VINH

(để nhớ Trà Vinh)

*Tôi yêu kiểu áo "tầm vông" nhỏ,
Đôi mắt đen huyền cô gái lai,
Đôi mái chùa cong như cánh phượng,
Gió bay cờ phướn đẹp mây trời.*

*Tôi yêu hơi nước trong nồi đất,
Nấu chín mùi thơm bánh Phú Vinh.
Lá dừa thiên thanh màu lá mạ;
- Cô em mặc áo cũng thiên thanh.*

*Tôi yêu mùi bưởi Thanh Trà ngọt
(Những hạt kim cương của đất lành)
Thay tách nước trà khi đun nắng,
Ra về còn luyến chút ân tình.*

*Đời lặng lẽ trôi trên biển lúa
Vờn theo bóng nhạn, cánh cò bay.
Lưới tung chụp sóng, tìm cơm áo
Thuyền trở về sông, bến cá đầy.*

Tiếng trống cơm hoà nhạc ngũ âm,

*Trong ngày đưa nước, hội trăng rằm.
Dù kẻ hát bội vui chùa miếu,
Sống thái bình, quên cả tháng năm.*

*Hơi nước còn thơm mùi bánh ồng,
Còn thơm tà áo s16c thiên thanh.
Cô em bán bánh hiền ngoan quá,
– Trong mắt đen huyền in bóng anh.*

*Vườn bưởi Biên Hoà tuy ngọt lịm,
Cũng không bằng nửa múi Thanh Trà.
Vị trên mái tóc cài bông bưởi,
– Có gái Trà Vinh đẹp mặn mà.*

*Về xứ Trà Vinh ăn bánh ồng,
Thương màu lá dứa, áo thiên thanh.
– Gió đưa hương bưởi vào hơi thở
Thương xứ thương luôn cả gái lành.*

(trong tập Cầu Tre)

TÌNH TRẮNG

- * Kính tặng Thầy Tam X
- * Riêng dâng anh hồn của Ngọc Hạnh

*Cần Thơ ơi! hỡi Cần Thơ!
Vang bóng ngày xanh phủ bụi mờ
Ai nhật giùm tôi bao kỷ niệm
Đã xây mồ dưới lớp hoa khô.*

*Ngã tư Tham Tướng im chân mộng
Đôi guốc mòn luyến cát Tây Đô
Hàng bã đậu che cao mái nắng
Ngôi bên đường đợi tiếng trống vô.*

*Xóm Chài ửng nét duyên thôn nữ
Gió thổi lông bay áo túi hồng
Cô lái đò ngang cười chúm chúm
Thăm trên "hàn sĩ" lúc sang sông.*

*Cô bán xôi vàng nghiêng nón lá
Nói thắm trong mắt với thơ sinh
"Ráng lo ăn học em mua bán
Thi đậu đừng quên gái thị thành".*

Tàu chạy Phong Điền nhớ Cái Răng
Khỏi vườn xanh thắm gợn sông trắng
Câu hò Vàm Xáng thương Ba Láng
Rạch Giá phải lòng gái Sóc Trăng.

Cắm trại Long Xuyên mua vú sữa
Chia em quả mận, trái dứa tươi
Những ngày nghỉ học lên Bình Thủy
Viếng mộ Thủ Khoa, hát giữa trời.

Bãi trường Tết không tiền về xứ
Ngồi bên xe khuya, ngóng bạn bè
Em lén trao anh tiền bỏ ống
"Nè anh lấy đỡ chút tiền xe".

Từ đó về quê rồi nghỉ học
Không bao giờ trở lại Cần Thơ
Con đường kỷ niệm mờ xa khuất
Trường cũ không còn đợi trống vô.

Mười mấy năm sau anh trở lại
Vội tâm hồn bạn thuở đồng song
Hỏi thăm người cũ... người ơn cũ
Mới biết rằng em đã có chồng.

Bấm nút chuông reo ngoài cổng đá
Lá me vàng rụng tựa mưa rơi
Bỗng dựng khăn trắng ra ngoài ngõ
Ngáng mắt nhìn anh... đứng lặng người.

Em dẫn anh ra viếng mộ chồng
Giữa mùa vú sữa mới ra bông
Nhìn anh quỳ trước bia người khuất
Em kéo khăn tang ủ tấm lòng.

Đứa nhỏ gọi anh bằng tiếng chú
Ngậm ngùi viết vội mấy vần thơ
Từ đây xin gọi em bằng chị
Đừng kể cho nhau chuyện học trò.

Tiền anh ra cổng với khăn tang
Vội đưa con thơ với lá vàng
Vội chút tiền xe chưa trả lại
Vội tình bạn cũ vẫn cao sang.

Thôi thế từ đây cách biệt rồi

*Chị vào nuôi dạy trẻ mồ côi
Lâu lâu tôi viết thư thăm chị
Chị đọc hồn tôi giữa bụi đời.*

*Nếu có đến nhà thăm chị nữa
Tôi mời Thầy cũ xuống Tây Đô
Thăm cô trò gái thành sương phụ
Để khóc triền miên tuổi học trò.*

HOA TRẮNG THÔI CÀI TRÊN ÁO TÍM

* Tâm tình người trai ngoại đạo
đối với cô gái có đạo

*Lâu quá không về thăm xóm đạo
Từ ngày binh lửa xoá không gian
Khói bom che lấp chân trời cũ
Che cả người thương nóc giáo đường.*

*Mười năm trước em còn đi học
Áo tím điểm tô đời nữ sinh
Hoa trắng cài duyên trên áo tím
Em là cô gái tuổi băng trinh.*

*Trường anh ngó mặt giáo đường
Gác chuông thương nhớ lầu chuông
U buồn thay! chuông nhạc đạo
Rộn rã thay! chuông nhà trường.*

*Lần nữa anh ghiền nghe tiếng chuông
Làm thơ sầu mộng dệt tình thương
Để nghe khe khẽ lời em nguyện
Thơ thần chờ em trước thánh đường.*

*Mỗi lần tan lễ chuông ngừng đổ
Hai bóng cùng đi một lối về
E lệ, em cầu kinh nho nhỏ
Thẹn thuồng, anh đứng lại không đi.*

ooo

*Sau mười năm lẻ, anh thôi học
Nức nở chuông trường buổi biệt ly
Rộn rã từng hồi chuông xóm đạo
Tiễn nàng áo tím bước vu qui.*

Anh nhìn áo cưới mà anh ngỡ
Chiếc áo tang liệm khối tuyết tình
– Hoa trắng thôi cài trên áo tím
Thôi còn đâu nữa tuổi băng trinh.

Em lên xe cưới về quê chồng
Dù cách đờ ngang cách mấy sông
Anh vẫn yêu người em áo tím
Nên tình thơ ủ kín trong lòng.

ooo

Từ lúc giặc ruồng vô xóm đạo
Anh làm chiến sĩ giữ quê hương
Giữ màu áo tím, người yêu cũ
Giữ cả lâu chuông, nóc giáo đường.

Mặc dù em chẳng còn xem lễ
Ở giáo đường u tịch chốn xưa
Anh vẫn giữ lâu chuông gác thánh
Nghe chuông truy niệm mối tình thơ.

Màu gạch nhà thờ còn đỏ thắm
Như tình nồng thắm thuở ban đầu
Nhưng rồi sau chuyển vu qui ấy
Áo tím nàng thơ đã nhạt màu.

ooo

Ba năm sau chiếc xe hoa cũ
Chờ áo tím về trong áo quan
Chuông đạo ngân vang hồi vĩnh biệt
Khi anh ngồi kết vòng hoa tang.

Anh kết vòng hoa màu trắng lạnh
Từng cài trên áo tím ngày thơ
Hôm nay vẫn đoá hoa màu trắng
Anh kết tình tang gửi xuống mồ.

Lâu quá không về thăm xóm đạo
Không còn đứng nép ở lâu chuông
Nhưng khi chuông đổ anh liên tưởng
Người cũ cầu kinh giữa giáo đường.

"Lạy Chúa con là người ngoại đạo

*"Nhưng tin có Chúa ngự trên trời"
"Trong lòng con, giữa màu hoa trắng
"Cứu rồi linh hồn con, Chúa ơi !"*

Bên Tre 14-11-57 (*)

(*) Bài thơ HOA TRẮNG THÔI CÀI TRÊN ÁO TÍM được trích nguyên văn đã in trong tập thơ cùng tên do PHÙ SA xuất bản năm 1960 tại Sài Gòn. Tuy nhiên, trong quyển THƠ TÌNH CHỌN LỌC do Nguyễn Hoài Thương sưu tầm và tuyển chọn (NXB KHAI TRÍ USA - 1993) và quyển 210 BÀI THƠ TÌNH HAY... do Thái Hoàng Ly - Hồ Quốc Nhạc tuyển chọn (NXB Đồng Nai VN - 1996) đã phổ biến bài thơ này hoàn toàn khác, chẳng hiểu thi sĩ KIÊN GIANG đã sửa chữa từ bao giờ mà tôi chưa có dịp nghe anh kể và cũng không có tài liệu, nay bất ngờ gặp được dị bản bài thơ này. Tôi nghĩ, có thể thi sĩ KIÊN GIANG do một hoàn cảnh nào đó đã sửa chữa bài thơ cho phù hợp với yêu cầu nên đã tạo ra bài thơ thứ 2 này? Giá trị của hai bản ra sao sẽ do bạn đọc đánh giá. Tôi xin trích in lại đây để bạn yêu thơ so sánh, vì bài thơ đã được phổ nhạc từ nhiều thập niên trước và đã đi vào lòng người mến mộ. Khi nghe bản nhạc HOA TRẮNG THÔI CÀI TRÊN ÁO TÍM là người ta nhớ đến thi sĩ KIÊN GIANG và ngược lại.

HOA TRẮNG THÔI CÀI TRÊN ÁO TÍM

*Lâu quá không về thăm xóm đạo
Từ ngày binh lửa cháy quê hương
Khói bom che lấp chân trời cũ
Che cả người thương nóc giáo đường.*

*Mười năm trước em còn đi học
Áo tím điểm tô đời nữ sinh
Hoa trắng cài duyên trên áo tím
Em còn nguyên vẹn tuổi băng trinh.*

*Quen biết nhau qua tình lối xóm
Cổng trường đối diện ngõ lâu chuông
Mỗi lần chúa nhật em xem lễ
Anh học bài ôn trước cổng trường.*

*Thuở ấy anh hiền và nhát quạ
Nép mình bên gác thánh lâu chuông
Đề nghe khe khẽ lời em nguyện
Thơ thần chờ em trước thánh đường.*

*Mỗi lần tan lễ, chuông ngừng đổ
Hai bóng cùng đi một lối về
E lệ em cầu kinh nhỏ nhỏ*

Thẹn thùng, anh đứng lại không đi.

*Sau mười năm lẻ anh thôi học
Nức nở chuông trường buổi biệt ly
Rộn rã từng hồi chuông xóm đạo
Khi nàng áo tím bước vu qui.*

*Anh nhìn áo cưới mà anh ngỡ
Chiếc áo tang liệm kín khối sầu!
Hoa trắng thoi cài trên áo tím
Giữ làm chi kỷ niệm ban đầu!*

*Em lên xe cưới về quê chồng
Dù cách đồ ngang cách mấy sông
Vẫn nhớ bóng vang thời áo tím
Nên tình thơ ủ kín trong lòng.*

*Từ lúc giặc ruồng vô xóm đạo
Anh làm chiến sĩ giữ quê hương
Giữ màu áo tím, cành hoa trắng
Giữ cả trường xưa, nóc giáo đường.*

*Giặc chiếm lầu chuông xây ổ súng
Súng găm rung đống gạch nhà thờ
Anh gom gạch vụn, xây tường lũng
Chiếm lại lầu chuông, giết kẻ thù.*

*Nhưng rồi người bạn đồng song ấy
Đã chết hiên ngang dưới bóng cờ
Chuông đổ ban chiều, hồi vĩnh biệt
Tiễn anh ra khỏi cổng nhà thờ.*

*Hoa trắng thoi cài trên áo tím
Mà cài trên nắp áo quan tày
Điểm tô công trận bằng hoa trắng
Hoa tuổi học trò, mờ thắm tươi.*

*Xe tang đã khuất nẻo đời
Chuông nhà thờ khóc đưa người ngàn thu
Từ đây tóc rũ khăn xô
Em cài hoa trắng lên mồ người xưa.*

28-5-58

KIÊN GIANG HÀ HUY HÀ

(sách đã dẫn - 1 - bài mang số 140,
trang 173-174. 2 - bài ở trang 98-99 và 100)

LÚA SẠ

Nước càng cao, lúa càng cao
Lúa lên theo nước, vẫy chào áng mây
Mồ hôi nhỏ xuống đất lầy
Cho dài lá lúa, cho đầy chén cơm.

KG

*Mời bạn về thăm quê hương lúa sạ
Ngắm biển trời Đồng Tháp với An Giang
Gò Óc Eo còn dấu vết một kho tàng
Nhớ thuở bòn vàng, những năm đói khổ.
Mầm sống ngầm vươn lên theo hơi thở
Ngọn Ba Thê thương chiều Láng Linh
Bảy Núi gọi mây dựng bức tường thành
Ngăn gió biển cho xanh màu lá mạ.*

*Mời bạn về ôm chân cây lúa sạ
Để ca mừng đau xót với Hậu Giang
Mấy trăm năm từ thuở mới khai hoang
Nhạc sừng trâu thâm trầm nghe đồng vọng.*

*Gọi nhau về quê hương chồi mộng
Bàn tay chai rạch đất thế lưỡi cày
Thủy triều lên xuống vui đầy
Mồ hôi nhỏ xuống đất lầy trở bông.*

*Mời bạn về thăm chân trời lúa sạ
Để lắng nghe lúa hát khúc ca thầm
Dưới mặt nước nhạc ngầm gợn dư âm
Chuyển thành sóng vờn theo tóc lúa.*

*Lúa yêu đồng nên quay cuồng ca múa
Trên vũ trường thơm ngát phấn hương hoa
Cá tôm về vui Đại Hội hải hà
Ca mừng lúa với "trường ca sung túc"
Mặt đất rộng phơi da đầu dưới nước
Cho rẽ dầy đàn tóc lúa rối đành
Chiều chiều sóng dợn biển xanh
Sóng xao tóc lúa vẫy quanh xóm làng
Lúa lên theo nước
Lúa vượt theo cây
Lá mỏng lá dày
Phát phơ áo lúa
Gió nghiêng gió ngửa*

Sóng bủa lóng cò
Cây lúa dật dờ
Như rừng cò thủy cung chào dạ hội
Ta về đây với bàn tay vẫy gọi
Chào An Giang, Đồng Tháp và Láng Linh
Chào Cửu Long, Bảy Núi với thâm tình
Chào lúa rạ vẫy vùng không khuất phục
Mùa nước nổi năm thìn bão lụt
Lúa vươn lên so sức nước hoang tàn
Tranh quyền sóng với tai trời ách nước
Ngày xưa ta bảo : "Đây là vùng đất phước
Đất oai hùng, toàn nhân kiệt địa linh"
Khi trời xanh, trở xám lửa đao binh
Lúc lặn xuống tránh mùi tanh thuốc súng.
Thân lúa mềm nhưng dẻo bền chân đứng
Đứng cùng người lịch sử miền Nam
Dầu đón đau bầm dập chẳng rên than
Khi gục xuống là hẹn hò quật khởi.

Cò trắng ngàn năm bay chẳng mỏi
Trâu đen, cao sáo ngóng mây chiều
Bếp đun dệt khói đan mùn lưới
Giác ngủ ru trong tiếng sáo diều
Người và lúa từ đầu mùa kháng chiến
Ôm ghì nhau dựng trường thành chiến tuyến.
Ngọn tầm vông giao chiến với giấy chông
Lưỡi dao phay phải sạch đạn đồng
Kề trái tim cản đầu xe thiết giáp
Trong hắc sứ xâm loạn, quân Pháp
Gục đầu nghe lúa hát "Đại Hùng Ca"
Máu với mồ hôi nhuộm đỏ sắc phù sa
Chảy vào sông cho hồng hào thốt đất.

Vươn lên cao khi con người bắt khuất
Cúi xuống bùn khi tay móc củ co
Thương rau dứa, bông súng chắm mắm kho
Thế cơm gạo đợi chờ mùa lúa mới
Đốt bẹ dứa nước, nấu thành bột muối
Nửa khuya còn nghe vắng tiếng giã sàng
Tiếng ươm tơ kéo chỉ ôi rộn ràng
Là nhạc khúc êm đềm đời mộc mạc
Cùng thao thức đêm dài nghe tiếng vạc
Tiếng cầu kinh nương tiếng hát đồng dao.

Nước càng cao, lúa càng cao
Lúa lên theo nước vẫy chào ánh mây

*Lớp người chết rụng mùa xuân chín
Xác lạnh bó dây với đệm bàng
Thịt rã tan từ mùa nước nổi
Hương phù sa đượm chén cơm vàng.*

*Mời bạn về thăm miền lúa sạ
Những người hùng, áo giáp da trời
Biển rừng thành ruộng, đôi xanh rẫy
Máu với mồ hôi mở lối đời.*

*Lúa sạ Hậu Giang
Lúa ngọc lúa vàng
Lúa ngấm mọc trong lòng đất nước
Lúa nhớ ơn trời thương đất phước
Tạ ơn đời bằng tình nghĩa ca dao.*

*Gạo điểm màu son thắm máu đào
Vương hương theo khói bốc lên cao
Mùi hương da thịt người lam lũ
Uớp hột ngọc thơm chắt nọt ngào.*

*Lúa sạ Hậu Giang:
Hình ảnh người hùng của đất
Là âm no, là manh áo chén cơm
Là sức sống của phù sa quật khởi
Là niềm đau vun bón khối căm hờn.*

*Năm nhánh Tiền Giang nhớ Hậu Giang
Chảy vào gân đất mạch quê hương
Mùa này mùa tới muôn mùa nữa
Lúa sạ vươn cao với ruộng vườn.*

XE TRÂU

Chợ Quán đêm 9-10-1963, má tôi ngồi kể chuyện xe trâu gắn liền với quãng đời làm dâu, làm vợ, làm mẹ một cách khắc khổ.

Tôi đã lớn lên trên chiếc xe trâu ấy từ ngày má mới ra rặng chèo chống ở xứ người mướn đất điền chủ làm ruộng để tạo lập sự nghiệp.

Hình ảnh chiếc xe trâu với đôi bánh xe nặng nề lăn dài theo đường mòn xuyên qua đồng ruộng vào mùa khô đã lui vào ký ức. Ngày thơ dại tôi bú sữa mẹ trên xe trâu. Bây giờ tôi đau xót khi hình dung, hình ảnh người mẹ, tay bông tôi, tay nắm dây vàm khiển chiếc xe cọt két rên rĩ đi về đồng quê. Tôi đã bỏ làng bỏ xứ từ lúc làm nghề viết lách. Tôi không có dịp về làng cũ để tìm vết xe trâu, màu lá mạ, bông mướp, bông trà, hình ảnh mẹ, tuổi đôi mươi.

Tất cả chỉ còn là kỷ niệm và vết đau. Tôi muốn được ôm ấp mãi kỷ niệm và vết đau ấy để nghiền ngẫm câu danh ngôn "Trong vũ trụ có lắm kỳ quan, nhưng kỳ quan tuyệt hảo nhất vẫn là trái tim người mẹ". Ngày nay người ta đã dùng máy cày để kéo lúa. Sự có mặt của máy móc trong việc kéo lúa đã làm giảm mức độ đổ mồ hôi và công khó nhọc của dân cày. Tuy nhiên tôi vẫn tôn thờ hình ảnh chiếc xe trâu thô sơ.

Tôi xin dâng mẹ tôi và bạn với thâm tình hình ảnh chiếc xe trâu.

*Xe trâu cót két
Cót két xe trâu
Bánh xe nặng nặng in sâu lồi mòn
Tay cầm vạm nhỏ
Tay nọ ấm con
Nắng vàng Xẻo Đước (1)
Con trâu khát nước
Thở dốc từng cơn
Bánh xe nghiền nát cót mòn
Nát thân không nát nổi hồn mẹ quê
Mồ hôi tưới khắp đường xe
Thân gầy sức yếu, đường về xa xôi.*

*Người mẹ nghèo sợ con cảm nắng
Lấy khăn rằn bông nửa mui xe
Con nằm khoanh ngủ trong lòng mẹ
Dưới ánh mây lành mát bóng quê.*

*Xe trâu kéo lúa, chở con thơ
Lúa giống năm nay để tới mùa
Gieo mạ cho quần bông lúa chín
Cho con no ấm, sớm nô đùa.*

*Con của má cũng là giống tốt
Mai sau con sẽ có gia đình
Nuôi con... sẽ biết công từ mẫu
Trọn kiếp làm dâu : kiếp khổ hình.*

*Từ Đông Hà má sang Đông Thới (2)
Một chuyến sang đò: chuyến biệt ly
Giọt nước lìa nguồn sa bến đục
Bông tràm rơi trắng bước vu qui.*

*Chín tháng con nằm trong bụng mẹ
Chắc nghe mẹ khóc lúc mang thai
Nên con của mẹ thành văn sĩ
Biết khóc từ khi chửa hiểu đời.*

Gà mới gáy má vừa thức giấc

Một mình vo gạo ở cầu ao
Nấu cơm cho mấy mươi công cấy
Ngủ đứng ngoài sân tựa cổng rào.

Em chông năm đứa nhớn như chơi
Khi mẹ đầy thân trả nợ đời
Cơm nguội cá thiu chan nước mắt
Dầm mưa không mảnh áo chằm toi.

Ngày mẹ ra riêng về Xéo Đước
Giang sơn vốn vẹn: chiếc xuồng be
Cha bơi lái mẹ ngồi bơi mũi
Chèo chống xứ nười tìm bến quê.

Mẹ đập ống ngày con sáu tuổi
Rước thầy về dạy chữ a b
Còn cha phát đất ông điền chủ
Tiền học đóng bằng lúa mẹ giê.

Thầy giáo vỡ lòng làm quốc sự
Đến "Điền Trên"(3) ghé bước phiêu lưu
Nhà nghèo chữ nghĩa thơm mùi mực
Con nhớ muôn đời ông giáo Như (4)

Bông mướp trở vàng dưới mái hiên
Giàu thêm chữ nghĩa, chẳng giàu tiền
Trâu già vẫn kéo xe trâu cũ
Nua kiếp con mang nợ chủ điền.

Làng cũ sau ngày binh lửa dậy
Con không về nữa xóm Điền Trên
Đông Yên (5) làng cũ xa xăm quá
Mờ vết xe trâu bóng mẹ hiên.

Khi con bán chữ mua cơm áo
Tóc mẹ thúng bông rối mái đầu
Ngồi kể chuyện buồn đêm Chợ Quán
Quãng đời cay đắng, chuyện xe trâu.

Trời hỏi mẹ ơi con bắt hiểu
Nửa đời, sự nghiệp trắng đôi tay
Tại sao con chẳng đi ăn cướp
Cho mẹ cho con bớt đọa đày.

Tại sao trời bắt làm thi sĩ
Khóc muôn thương vay mãi chuyện đời

*Mà trái tim đau giàu cảm lụy
Bị đời gạt mãi mẹ hiền ơi!*

*Một chiếc xe trâu, bao hột giống
Đổi cho con một kiếp làm thơ
Nếu không có mẹ, thơ và mộng
Con chết còn hơn sống kiếp hờ.*

*Mẹ bảo: "mọi nghề đều quý trọng
Con ơi cứ sống cứ làm thơ
Bạc tiền danh vọng như mây nổi
Má vẫn gằn con dẫu xuống mồ".*

KIÊN GIANG

- (1) Xẻo Đước: Một con rạch ở làng Đông yên.
- (2) Đông Hoà: làng quê ngoại.
Đông Thới: làng quê nội.
- (3) Điền Trên: một xóm hẻo lánh khi song thân ra riêng
đến đây để lập nghiệp.
- (4) Giáo Như: thầy dạy vỡ lòng tên Như.
- (5) Đông Yên: một làng ở quận An Biên cách quê nội,
quê ngoại một ngày thuyền. Song thân
đã tạo lập sự nghiệp tại làng này.

(Trích trong tập tâm bút **NHỮNG BẠN VĂN NGHỆ NGANG QUA ĐỜI TÔI** - bản thảo lưu lại
- 2010 - bút hiệu **LÊ CÀN THƠ**, là một bút hiệu khác của **HUYỀN VÂN THANH**, để nhắc nhớ
kỷ niệm và **TUỞNG NIỆM** khi hay tin anh đã qua đời với tuổi 86).

Houston Nov 06-2014
HUYỀN VÂN THANH
(**LÊ CÀN THƠ**)